TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 7 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Tuấn**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị Tú Q,** sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú: 3/71B, khóm A, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: số 79, khóm C, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn P,** sinh năm 1987**;** Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị Tú Q trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ tháng 4/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/7/2018. Chị và anh P đã ly thân từ tháng 8/2019 đến nay do mâu thuẫn, không còn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Trần Văn P trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh trình bày thống nhất với lời khai của chị Q về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân. Nay chị Q yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Q không có con chung nên anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: xét thấy chị Q và anh P có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị Q và anh P là hợp pháp. Nay chị Q yêu cầu ly hôn, anh P đồng ý ly hôn nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Q được ly hôn với anh P.

+ Về con chung: Không có con chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P, anh P đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị Q và anh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị Q và anh P là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh P tự nguyện sống chung từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh P là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị Q và anh P đã ly thân từ tháng 8/2019 đến nay nhưng hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, trong khi đó việc hai bên đã ly thân trong một thời gian dài là thực tế có xảy

ra. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị Q và anh P không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mặc khác nay anh P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị Q và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q được ly hôn với anh P.

[4] Về con chung: Chị Q và anh P thống nhất không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Chị Q và anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị Tú Q được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Chị Triệu Thị Tú Q và anh Trần Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Chị Triệu Thị Tú Q và anh Trần Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị Tú Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Q đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009251 ngày 22/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Trần Văn P không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly